

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 496/2023/DS-PT

Ngày: 08/9/2023

V/v “Chia thừa kế theo pháp luật”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 8 và ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Chia thừa kế theo pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2022/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 255/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Đoàn Thị B (B1), sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đoàn Văn N, sinh năm 1967;

Đoàn Thị Mỹ H, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đoàn Thị Hồng V, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Đoàn Thị Ú, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn Đoàn Văn N, Đoàn Thị Mỹ H và Đoàn Thị Ú: Võ Trọng K, sinh năm 1978 (theo Văn bản ủy quyền ngày 03/11/2022);

Địa chỉ: số G P, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Đoàn Văn S, sinh năm 1961;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Phan Thị Thanh T, sinh năm 1964 (theo Văn bản ủy quyền ngày 12/02/2019);

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Phan Thị Thanh T, sinh năm 1964;

Đoàn Thị Mỹ H1, sinh năm 1986;

Đoàn Thị Lệ H2, sinh năm 1990;

Đoàn Công H3, sinh năm 1993;

Phạm Thị H4, sinh năm 1968;

Đoàn Thanh T1, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Đoàn Thanh T1: Võ Trọng K, sinh năm 1978 (theo Văn bản ủy quyền ngày 03/11/2022);

Địa chỉ: số G P, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Đoàn Thị B (B), Đoàn Văn N, Đoàn Thị Mỹ H, Đoàn Thị Hồng V và Đoàn Thị Út .

(Ông Võ Trọng K, bà Đoàn Thị Hồng V, bà Phan Thị Thanh T, chị Đoàn Thị Mỹ H1, chị Đoàn Thị Lệ H2, anh Đoàn Công H3 có mặt; bà Đoàn Thị B2, bà Phạm Thị H4 có đơn xin vắng mặt, các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Đoàn Thị B (B), ông Đoàn Văn N, bà Đoàn Thị Mỹ H, bà Đoàn Thị Hồng V, bà Đoàn Thị Ú, cùng ủy quyền cho ông Lê Hoàng Á trình bày:*

Cha các nguyên đơn tên Đoàn Văn S1, sinh năm 1932, chết năm 1973; mẹ tên Lê Thị Á, sinh năm 1927, chết năm 2017; cha mẹ các nguyên đơn có 06 người con gồm: Đoàn Văn S, Đoàn Thị B2, Đoàn Văn N, Đoàn Thị Hồng V, Đoàn Thị Mỹ H, Đoàn Thị Út .

Lúc sinh thời, mẹ các nguyên đơn có tạo lập được các thửa đất số 225, diện tích 6.120m², thửa đất số 221, diện tích 4.190m² và thửa đất số 10A, diện tích 1.000m², tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, các thửa đất này do mẹ Lê Thị Á kê khai đứng tên sổ Mục kê ruộng đất.

Năm 1998, ông Đoàn Văn S tự ý ra kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở các thửa 197, diện tích 4.277m², thửa 249, diện tích 4.109m² (thửa 221 và 225 sổ mục kê ruộng đất do cụ Á đứng tên) và thửa 542, diện tích 897m² (thửa 10A sổ mục kê ruộng đất do cụ Á đứng tên). Ngoài ra, còn phần đất lúa do ông S đang canh tác chưa được cấp giấy theo VLAP là thửa số 139, diện tích 3.059,1m².

Việc ông S kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tự ý, không có sự đồng ý của cụ Á và anh chị em trong gia đình.

Nay các nguyên đơn yêu cầu xác định các thửa đất thửa số 225, diện tích 6.120m², thửa đất số 221, diện tích 4.190m² và thửa đất số 10A, diện tích 1.000m² mà hiện ông S đang đứng tên quyền sử dụng đất ở các thửa 197, diện tích 4.277m², thửa 249, diện tích 4.109m², thửa 542, diện tích 897m² và thửa 139 (Theo VLAP), diện tích 3.059,1m² là di sản của cụ Á chết để lại không có di chúc và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất trên làm 06 kỷ phần là hàng thừa kế của cụ Á, nhận bằng quyền sử dụng đất, ông N xin nhận kỷ phần ở thửa đất số 542.

** Bị đơn ông Đoàn Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thanh T thống nhất trình bày:*

Về cha mẹ, các anh chị em ruột như lời các nguyên đơn khai là đúng. Năm 1998, mẹ ông S có giao chuyển nhượng cho ông S các phần đất trên và ông S được cấp giấy chứng nhận đúng quy định; vợ chồng ông S trực tiếp quản lý, canh tác từ năm 1998 đến nay. Nay ông S cùng bà T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Thanh T1 trình bày:*

Anh là con của ông Đoàn Văn N. Các phần đất tranh chấp là của cụ Á để lại, ông S tự ý làm thủ tục cấp giấy. Thửa đất số 542, diện tích 897m² hiện do cha mẹ và anh đang quản lý, canh tác. Nay anh đồng ý theo yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H4 không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị Mỹ H1, chị Đoàn Thị Lệ H2 và anh Đoàn Công H3 trình bày:*

Các anh chị là con của ông Đoàn Văn S và bà Phan Thị Thanh T. Các phần đất tranh chấp cha là ông Đoàn Văn S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định pháp luật và đã sử dụng ổn định từ khi được cấp giấy đến nay. Nay các anh chị thống nhất ý kiến ông S.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2022/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự; các Điều 99 và Điều 167 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*

Xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của Đoàn Thị B (Bảy), Đoàn Văn N, Đoàn Thị Hồng V, Đoàn Thị Mỹ H và Đoàn Thị Út .

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 26/7/2022, các nguyên đơn bà Đoàn Thị B (B), ông Đoàn Văn N, bà Đoàn Thị Mỹ H, bà Đoàn Thị Hồng V và bà Đoàn Thị Ú có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn;

- Xác định thửa đất số 225, diện tích 6.120m² và thửa đất số 221, diện tích 4.190m², mục đích sử dụng 2L chuyển thành thửa số 197, 249 có tổng diện tích 8.386,3m² và thửa số 283, diện tích 3.059,1m², mục đích sử dụng 2L; thửa đất số 10^A, diện tích 1.000m², mục đích sử dụng QT chuyển thành thửa số 542, diện tích 842,7m², tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản của cha mẹ các ông bà chết để lại không có di chúc và yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất trên thành 06 phần. Các ông bà xin nhận mỗi người một kỷ phần bằng quyền sử dụng đất để sinh sống, canh tác.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các nguyên đơn kháng cáo yêu cầu được chia bằng hiện vật là thửa đất số 542, diện tích thực đo 686,5m² (ký hiệu T1, T2, T3 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/8/2023 của Liên danh Công ty TNHH Đ1 và Công ty TNHH MTV Đ2); thửa đất số 283, diện tích thực đo 2.979,7m² (ký hiệu T4 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/8/2023 của Liên danh Công ty TNHH Đ1 và Công ty TNHH MTV Đ2); một phần thửa số 249, diện tích thực đo là 1.020,3m² (ký hiệu T3 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/8/2023 của Liên danh Công ty TNHH Đ1 và Công ty TNHH MTV Đ2). Đối với phần đất có diện tích 120,7m² (ký hiệu T4, T5, T6 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/8/2023 của Liên danh Công ty TNHH Đ1 và Công ty TNHH MTV Đ2) thuộc hành lang Kênh 7 không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng nên không yêu cầu chia.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 103/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; xác định các thửa đất số 197, 249, 283 542, cùng tờ bản đồ số HMTC4, tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản

thừa kế của cụ Lê Thị Á; ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn yêu cầu chia 686,5m² đất vườn thuộc thửa số 542 và 4.000m² đất trồng lúa thuộc thửa số 283 và một phần thửa số 249; chia cho ông Đoàn Văn S diện tích đất còn lại thuộc thửa số 197 và một phần thửa số 249.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các nguyên đơn Đoàn Thị B2, Đoàn Văn N, Đoàn Thị Mỹ H, Đoàn Thị Hồng V, Đoàn Thị Ú nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo:

[2.1]. Về xác định di sản thừa kế và người thừa kế:

Theo tài liệu hồ sơ vụ án, vợ chồng cụ Đoàn Văn S1, sinh năm 1932 (chết năm 1973) và cụ Lê Thị Á, sinh năm 1936 (chết năm 2017) có 06 người con gồm các ông, bà: Đoàn Văn S, Đoàn Thị B2 (B), Đoàn Văn N, Đoàn Thị Mỹ H, Đoàn Thị Hồng V, Đoàn Thị Út .

Năm 1978, cụ Lê Thị Á có nhận chuyển nhượng của cụ Nguyễn Văn Đ khuôn ruộng khoảng 10.000m² và nhận tặng cho của cụ Lê Văn B3 (cha ruột) khoảng 1.000m² đất vườn tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo Sổ Mục kê ruộng đất (hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg lập năm 1982 – 1985) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T cung cấp, cụ Lê Thị Á kê khai, đăng ký quyền sử dụng tại các thửa đất: thửa đất số 225, diện tích 6.120m²; thửa đất số 221, diện tích 4.190m²; thửa đất số 10A, diện tích 1.000m² tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (gọi tắt là thửa đất số 225, 221, 10A).

Năm 1998, ông Đoàn Văn S có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất các thửa đất: thửa đất số 197, diện tích 4.277m²; số 249, diện tích 4.109m²; thửa đất số 542, diện tích 897m²; thửa đất số 283, diện tích 2.677m² tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (gọi tắt là thửa đất số 197, 249, 542, 283) và đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03 thửa đất số 197, 249 và 542.

Theo Công văn số 2688/UBND-NC ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thì ông Đoàn Văn S tự đăng ký kê khai và cấp giấy chứng nhận lần đầu năm 1998.

Theo Công văn số 156/CV-UBND ngày 12/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cụ Lê Thị Á được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 612/GCN-DD ngày 30/4/1993 đối với các thửa đất số 225, 221, 10A. Thửa đất số 197 là thửa đất số 221 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 612/GCN-DD ngày 30/4/1993; thửa đất số 249 và 283 là thửa đất số 225 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số 612/GCN-DD; thửa đất số 542 là thửa đất 10A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 612.GCN-DD ngày 30/4/1993.

Trong quá trình tố tụng, đại diện hợp pháp của bị đơn Đoàn Văn S thừa nhận cuối năm 2015 cụ Lê Thị Á có khiếu nại ông Đoàn Văn S đến Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang về việc ông Đoàn Văn S kê khai đăng ký quyền sử dụng các thửa đất, nhưng giải quyết chưa xong thì đầu năm 2017 cụ Lê Thị Á chết.

Như vậy, có căn cứ xác định các thửa đất 197, 249, 542, 283 có nguồn gốc là các thửa đất số 221, 225, 10A thuộc quyền sử dụng của cụ Lê Thị Á. Việc ông Đoàn Văn S tự kê khai đăng ký các thửa đất số 197, 249, 542, 283 và được cấp quyền giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 197, 249, 542 không có sự đồng ý của cụ Lê Thị Á là không đúng pháp luật. Do vậy, các thửa đất số 197, 249, 542, 283 là di sản thừa kế của cụ Lê Thị Á sau khi chết.

Ông Đoàn Văn S cho rằng cụ Lê Thị Á đã cho ông các thửa đất nhưng chỉ nói miệng nên ông không có chứng cứ để chứng minh, phía các nguyên đơn không thừa nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cụ Lê Thị Á đứng tên trong Sổ Mục kê ruộng đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đoàn Văn S đã kê khai đăng ký các thửa đất số 197, 249, 542 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, thửa đất số 283 không phải cụ Lê Thị Á đứng tên kê khai nên không phải là tài sản của cụ Lê Thị Á chết để lại nên xác định không phải là di sản của cụ Lê Thị Á là không đúng.

Như vậy, các nguyên đơn kháng cáo yêu cầu xác định các thửa đất 197, 249, 542 và 283 là di sản của cụ Lê Thị Á chết để lại, đồng thời chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ pháp luật.

[2.2]. Về phân chia di sản thừa kế:

Các nguyên đơn yêu cầu được chia bằng hiện vật là thửa đất số 542 theo diện tích thực đo, thửa đất số 283 và một phần thửa số 249 theo diện tích thực đo tương ứng 4.000m².

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất: thửa đất số 197 có diện tích thực đo là 4.384m²; thửa đất số 249 có diện tích thực đo là 3.944,1m²; thửa đất số 283 có diện tích thực đo là 2.979,7m²; thửa đất số 542 có diện tích thực đo là 686,5m².

Theo biên bản định giá ngày 20/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang thành lập thì giá đất theo thực tế chuyển nhượng tại địa phương như sau: đất ở nông thôn là 3.400.000 đồng/m², đất trồng cây lâu năm là 2.150.000 đồng/m², đất trồng lúa là 330.000 đồng/m².

Như vậy, giá trị di sản các nguyên đơn yêu cầu chia là: 2.550.475.000 đồng [(300m² x 3.400.000 đồng/m²) + (686,5m² - 300m² x 2.150.000 đồng/m²) + (4.000m² x 330.000 đồng/m²)]; giá trị di sản chia cho ông Đoàn Văn S là 2.411.574.000 đồng [(11.307,8m² - 4.000m²) x 330.000 đồng/m²].

Do vậy, yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn là có xem xét đến quyền lợi của ông Đoàn Văn S, chia cho ông Đoàn Văn S hưởng kỹ phần thừa kế có giá trị nhiều hơn so với kỹ phần thừa kế còn lại (tương ứng 43% tổng giá trị di sản thừa kế do cụ Lê Thị Á chết để lại).

[2.3]. Như phân tích tại Mục [2.1] và [2.2], xét thấy yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, có xem xét quyền lợi của ông Đoàn Văn S, nên Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm theo hướng như phân tích nêu trên.

Do ông Đoàn Văn S đang quản lý sử dụng diện tích 4.000m² thuộc thửa đất số 283 và một phần thửa đất số 249 nên cần buộc ông Đoàn Văn S có nghĩa vụ giao lại cho các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn tự nguyện giao toàn bộ kỹ phần của mình được chia cho bà Đoàn Thị Ú hưởng. Xét thấy, sự tự nguyện này không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bà Đoàn Thị B2, ông Đoàn Văn Ú1, bà Đoàn Thị Mỹ H, bà Đoàn Thị Hồng V và bà Đoàn Thị Ú mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị phần tài sản được chia là 24.403.800 đồng [20.000.000 đồng + (510.095.000 đồng – 400.000.000đồng) x 4%], ông Đoàn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị phần tài sản được chia là 80.231.480 đồng [72.000.000 đồng + (2.411.574.000 đồng – 2.000.000.000đồng) x 2%].

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 609, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 655, 658, 660 Bộ luật Dân sự; các điều 95, 97, 166 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn Đoàn Thị B (B2), Đoàn Văn N, Đoàn Thị Mỹ H, Đoàn Thị Hồng V và Đoàn Thị Út .

2. Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 103/2022/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Xác định quyền sử dụng các thửa đất: thửa đất số 197, diện tích 4.277m² (diện tích thực đo là 4.384m²); thửa đất số 249, diện tích 4.109m² (diện tích thực đo là 2.923,8m²); thửa đất số 283, diện tích 2.677m² (diện tích thực đo là 3.944,1m²); thửa đất số 542, diện tích 897m² (diện tích thực đo là 686,5m²); cùng tờ bản đồ số HMTC4 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản của cụ Lê Thị Ánh .1

+ Chia cho bà Đoàn Thị B (B), ông Đoàn Văn N, bà Đoàn Thị Mỹ H, bà Đoàn Thị Hồng V và bà Đoàn Thị Ú quyền sử dụng các thửa đất: thửa đất số 542, diện tích thực đo 686,5m²; (ký hiệu T1, T2, T3 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/8/2023 của Liên danh Công ty TNHH Đ1 và Công ty TNHH MTV Đ2 kèm theo); thửa đất số 283, diện tích thực đo 2.979,7m² (ký hiệu T4 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/8/2023 của Liên danh Công ty TNHH Đ1 và Công ty TNHH MTV Đ2 kèm theo); một phần thửa số 249, diện tích thực đo là 1.020,3m² (ký hiệu T3 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/8/2023 của Liên danh Công ty TNHH Đ1 và Công ty TNHH MTV Đ2 kèm theo)

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị B (B), ông Đoàn Văn N, bà Đoàn Thị Mỹ H, bà Đoàn Thị Hồng V tặng cho quyền sử dụng của mình được chia đổi với các thửa đất: thửa đất số 542, diện tích thực đo 686,5m²; thửa đất số 283, diện tích thực đo 2.979,7m²; một phần thửa đất số 249, diện tích 1.020,3m²; cùng tờ bản đồ số HMTC4 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà Đoàn Thị Út .

+ Chia cho ông Đoàn Văn S quyền sử dụng các thửa đất: thửa đất số 197, diện tích thực đo 4.384m² (ký hiệu T1 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/8/2023 của Liên danh Công ty TNHH Đ1 và Công ty TNHH MTV Đ2 kèm theo); một phần thửa đất số 249, diện tích 2.923,8m² (ký hiệu T2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/8/2023 của Liên danh Công ty TNHH Đ1 và Công ty TNHH MTV Đ2 kèm theo); cùng tờ bản đồ số HMTC4 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Buộc ông Đoàn Văn S có nghĩa vụ giao thửa đất số 283, diện tích thực đo 2.979,7m²; một phần thửa đất số 249, diện tích 1.020,3m²; cùng tờ bản đồ số HMTC4 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà Đoàn Thị Út .

Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đoàn Thị B2, ông Đoàn Văn N, bà Đoàn Thị Mỹ H, bà Đoàn Thị Hồng V và bà Đoàn Thị Ú mỗi người phải chịu 24.403.800 đồng. Các ông, bà mỗi người đã nộp 3.125.000 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 09711, 09712, 09713, 09714, 09715 cùng ngày 04/01/2019 và các biên lai thu số 0003481, 0003482, 0003483, 0003484, 0003485 cùng ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp 21.278.800 đồng.

+ Ông Đoàn Văn S phải chịu 80.231.480 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Đoàn Thị B2, ông Đoàn Văn N, bà Đoàn Thị Mỹ H, bà Đoàn Thị Hồng V và bà Đoàn Thị Ú số tiền 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0010059 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy